

NỘI DUNG:

I. Lý thuyết từ các bài: 5 + 6 + 9 + 11 + 12 + 13

II. Kỹ năng tính toán: Giò trên Trái Đất, nhiệt độ, độ cao địa hình.

Câu 1: Cường độ phong hóa xảy ra mạnh nhất ở

- A. lớp vỏ Trái đất B. bề mặt Trái Đất C. lớp thạch quyển. D. trung tâm lục địa.

Câu 2: Gió phơn xuất hiện ở dãy núi nào của Việt Nam?

- A. Dãy Trường sơn. B. Dãy Bạch Mã. C. Dãy Hoàng Liên Sơn. D. Dãy Tam Đảo.

Câu 3: Biên độ nhiệt độ năm lớn nhất ở

- A. xích đạo. B. chí tuyến. C. hai cực. D. vòng cực.

Câu 4. Bồi tụ là quá trình

- A. nén ép các vật liệu phong hóa. C. tích tụ vật liệu trong lòng đất.
B. tích tụ các vật liệu phá huỷ. D. tạo ra các mỏ khoáng sản.

Câu 5: Chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời là

- A. chuyển động không có thật của Mặt Trời trong năm giữa 2 cực.
B. chuyển động không có thật của Mặt Trời trong năm giữa 2 chí tuyến.
C. chuyển động có thật của Mặt Trời trong năm giữa 2 cực.
D. chuyển động có thật của Mặt Trời trong năm giữa 2 chí tuyến.

Câu 6: Theo cấu trúc địa hình, mưa nhiều ở

- A. sườn khuất gió. B. dưới chân núi. C. vùng núi thấp. D. sườn đón gió.

Câu 7: Nguồn cung cấp nhiệt chủ yếu cho mặt đất là năng lượng của

- A. bức xạ Mặt trời. B. lớp manti trên. C. bức xạ mặt đất. D. lớp thạch quyển.

Câu 9: Trên bề mặt Trái Đất các đai áp cao và áp thấp được phân bố như thế nào?

- A. Đai áp cao nằm ở bán cầu Bắc, đai áp thấp nằm ở bán cầu Nam.
B. Đai áp cao và áp thấp nằm xen kẽ và đối xứng qua đường xích đạo.
C. Đai áp thấp nằm ở bán cầu Bắc, đai áp cao nằm ở bán cầu Nam.
D. Đai áp cao và áp thấp nằm xen kẽ và đối xứng qua đai áp thấp xích đạo.

Câu 52 Khí áp giảm khi nhiệt độ

- A. tăng lên. B. giảm đi. C. không tăng. D. không giảm.

Câu 10: Trong quá trình chuyển động biểu kiến hàng năm, Mặt Trời lên thiên đỉnh ở xích đạo vào các ngày

- A. 21/3 và 22/6. B. 22/6 và 22/12. C. 21/3 và 23/9. D. 22/12 và 21/3.

Câu 11: Phong hóa hóa học xảy ra chủ yếu ở miền khí hậu có đặc điểm

- A. khô, nóng. B. lạnh, ẩm. C. nóng, ẩm. D. lạnh, khô.

Câu 12: Ở bán cầu Bắc thời gian ngày ngắn nhất, đêm dài nhất xảy ra vào ngày nào?

- A. 21/3. B. 22/6. C. 23/9. D. 22/12.

Câu 13: Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

- A. chí tuyến. B. xích đạo. C. vòng cực. D. hai cực.

Câu 14: Tác nhân chủ yếu của phong hóa lí học ở miền khí hậu lạnh là

- A. sự đóng băng của nước. C. sự va đập của gió.
B. sự kết tinh của muối. D. tác động của con người.

Câu 15: Ở nơi Mặt Trời lên thiên đỉnh, vào đúng giữa trưa, tia sáng Mặt Trời sẽ tạo với bề mặt đất 1 góc là

- A. 90^0 . B. $66^033'$. C. 180^0 . D. $23^027'$.

Câu 16: Gió biển là loại gió

- A. thổi từ biển vào đất liền, vào ban ngày. C. thổi từ biển vào đất liền, vào ban đêm.
B. thổi từ đất liền ra biển, vào ban đêm. D. thổi từ đất liền ra biển, vào ban ngày.

Câu 17: Nhận định nào dưới đây đúng về nguyên nhân hình thành khí áp?

- A. Nhiệt độ không khí tăng, khí áp giảm. C. Nhiệt độ không khí tăng, khí áp tăng.
B. Khí áp tăng, nhiệt độ không khí giảm. D. Khí áp tăng, nhiệt độ không khí tăng.

Câu 19: Thổi từ áp cao cận nhiệt đến áp thấp xích đạo là

- A. gió Mậu dịch. B. gió mùa. C. gió Tây ôn đới D. gió biển.

Câu 20: Trên Trái Đất mưa nhiều nhất ở vùng

- A. ôn đới. B. chí tuyến. C. xích đạo. D. cực.

Câu 21: Kết thúc quá trình vận chuyển là quá trình

- A. bốc mơn. B. phong hóa. C. bồi tụ D. mài mòn.

Câu 22: Quá trình phong hóa không bao gồm

- A. phong hóa toán học. C. phong hóa hóa học.
B. phong hóa lí học. D. phong hóa sinh học.

Câu 23: Mặt Trời lên thiên đỉnh 2 lần trong năm ở khu vực nào sau đây?

- A. Ngoại chí tuyến. B. Vùng cận cực. C. Vùng ôn đới. D. Nội chí tuyến.

Câu 24: Khu vực chí tuyến mưa ít không do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Chịu tác động của gió Mậu dịch. C. Có hoạt động của dòng biển nóng.
B. Có hoạt động của đai áp cao. D. Ít chịu ảnh hưởng của đai dương.

Câu 25: Bề mặt Trái Đất luôn có một nửa được Mặt Trời chiếu sáng là ngày và một nửa không được chiếu sáng là đêm, nguyên nhân là do

- A. Trái Đất quay quanh Mặt Trời. C. Trái Đất tự quay quanh trục.
B. Trái Đất có hình dạng khối cầu. D. trục Trái Đất luôn nghiêng.

Câu 26: Đồng bằng châu thổ được tạo thành bởi quá trình ngoại lực nào?

- A. Phong hóa. B. Vận chuyển. C. Bốc mơn. D. Bồi tụ.

Câu 27: Loại gió nào sau đây mang mưa nhiều?

- A. Gió Mậu dịch và gió Tây ôn đới. C. Gió fon và gió Mậu dịch.
B. Gió Tây ôn đới và gió mùa. D. Gió Tây ôn đới và gió fon.

Câu 28: Bề mặt Trái Đất được chia ra làm

- A. 12 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 30^0 kinh tuyến. C. 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 30^0 kinh tuyến.
B. 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 15^0 kinh tuyến. D. 12 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 15^0 kinh tuyến.

Câu 29: Thổi đều đặn theo hướng cố định, có tính chất khô là đặc điểm của

- A. gió Mậu dịch. B. gió mùa. C. gió Tây ôn đới. D. gió địa phương.

Câu 30: Ở Việt Nam không có hoạt động của loại gió nào sau đây?

- A. Gió Mậu dịch. B. Gió mùa. C. Gió Tây ôn đới. D. Gió đất.

Câu 31: Đường chuyển ngày quốc tế được quy định là

- A. kinh tuyến 180^0 đi qua múi giờ số 12. C. kinh tuyến 90^0 Đ đi qua múi giờ số 6.
B. kinh tuyến 0^0 đi qua múi giờ số 0. D. kinh tuyến 90^0 T đi qua giữa múi giờ số 18.

Câu 32: Nhận định nào sau đây đúng về sự phân bố nhiệt độ không khí theo lục địa và đại dương?

- A. Đại dương có biên độ nhiệt độ nhỏ. C. Nơi nóng nhất thuộc đại dương.
B. Lục địa có biên độ nhiệt độ nhỏ. D. Nơi lạnh nhất thuộc đại dương.

Câu 34: Các vùng trên bề mặt Trái Đất sắp xếp theo lượng mưa giảm dần là

- A. vùng xích đạo, vùng chí tuyến, vùng ôn đới, vùng cực.
B. vùng xích đạo, vùng ôn đới, vùng chí tuyến, vùng cực.
C. vùng ôn đới, vùng xích đạo, vùng cực, vùng chí tuyến.
D. vùng xích đạo, vùng ôn đới, vùng cực, vùng chí tuyến.

Câu 35: Hiện tượng ngày dài bằng đêm quanh năm diễn ra tại

- A. xích đạo. B. chí tuyến. C. vòng cực. D. hai cực.

Câu 36: Nếu đi từ phía tây sang phía đông, khi qua kinh tuyến 180^0 Đ người ta phải

- A. lùi lại 1 giờ. B. tăng thêm 1 ngày lịch. C. lùi lại 1 ngày lịch. D. tăng thêm 1 giờ.

Câu 37: Vào mùa đông, gió mùa thường có tính chất

- A. lạnh, ẩm. B. khô, lạnh. C. lạnh, không mưa. D. khô, ẩm.

Câu 38: Trong năm có 2 ngày không bán cầu nào ngả nhiều hơn về phía Mặt Trời. Đó là các ngày:

- A. 21/3 và 22/6. B. 21/3 và 23/9. C. 22/12 và 22/6. D. 22/6 và 23/9.

Câu 39: Mùa xuân ở Bắc bán cầu là mùa nào ở Nam bán cầu?

- A. Xuân. B. Hạ. C. Thu. D. Đông.

Câu 40: Các thung lũng, sông suối được hình thành do

- A. nước chảy tràn. B. dòng chảy tạm thời. C. dòng chảy thường xuyên. D. dòng chảy theo mùa.

Câu 41. Nơi mưa nhiều nhất trên Trái Đất là

- A. vùng cận nhiệt. B. vùng ôn đới. C. vùng cận cực. D. vùng xích đạo.

Câu 42. Vào ngày nào trong năm bán cầu Bắc có ngày dài nhất và đêm ngắn nhất?

A. 22/12. B. 21/3. C. 22/6. D. 23/9.

Câu 43. Theo quy ước, bề mặt Trái Đất được thành bao nhiêu múi giờ?

A. 12 B. 16 C. 20 D. 24

Câu 44. Từ 21/3 đến 23/9, khu vực nào trên Trái Đất nhận được nhiều nhiệt và ánh sáng Mặt Trời nhất?

A. Ngoại chí tuyến bán cầu Nam. C. Nội chí tuyến bán cầu Bắc.
B. Ngoại chí tuyến bán cầu Bắc. D. Nội chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 45. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long của nước ta được hình thành do tác động của

A. nước sông. B. sóng biển. C. con người. D. gió thổi.

Câu 46: Trong thực tế, các đai khí áp không liên tục mà bị chia cắt thành từng khu khí áp riêng biệt, nguyên nhân chủ yếu do

A. tác động của các loại gió thổi trên Trái Đất. C. diện tích lục địa và đại dương không đều nhau.
B. bị địa hình bề mặt Trái Đất chia cắt mạnh. D. sự phân bố xen kẽ giữa lục địa và đại dương.

Câu 47. Quá trình phong hóa lí học diễn ra mạnh ở sa mạc nóng chủ yếu do

A. địa hình nhiều cát. B. khí hậu khô hạn. C. chênh lệch nhiệt độ. D. có gió thổi mạnh.

Câu 48. Hình thức nào sau đây không thuộc quá trình bóc mòn?

A. Phá hủy. B. Xâm thực. C. Mài mòn. D. Thổi mòn.

Câu 49. Nhân tố nào sau đây không ảnh hưởng đến lượng mưa?

A. Khí áp. B. Dòng biển. C. Thủy triều. D. Địa hình.

Câu 50. Các tác nhân ngoại lực bao gồm:

A. mưa gió, con người, chất phóng xạ. C. khí hậu, các dạng nước, sinh vật.
B. chất phóng xạ, sóng biển, thực vật. D. năng lượng từ phản ứng hóa học.

Câu 51. Hiện tượng nào sau đây không chịu tác động của lực Côriôlit?

A. Đêm trắng. B. Gió mùa. C. Thủy triều. D. Dòng biển.

Câu 52: Hệ quả nào sau đây không phải do chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất?

A. Sự luân phiên ngày đêm. C. Các mùa trong năm.
B. Sự chuyển động lệch hướng của các vật thể. D. Giờ trên Trái Đất.

Câu 53. Ở Việt Nam quá trình bóc mòn tác động đến dạng địa hình nào nhiều nhất?

A. Trung du. B. Miền núi. C. Cao nguyên. D. Đồng bằng.

Câu 54. Địa hình cac-xơ rất phát triển ở vùng đá

A. vôi. B. granit. C. badan. D. thạch anh.

Câu 55. Trái Đất có hiện tượng luân phiên ngày, đêm do

A. Trái Đất có hình khối cầu và luôn tự quay quanh trục.
B. Trái Đất tự quay và bề mặt Trái Đất có nhiều múi giờ.
C. tia sáng Mặt trời chiếu xuống Trái Đất mỗi nơi một khác.
D. các nơi trên Trái Đất thấy Mặt Trời ở độ cao khác nhau.

Câu 56. Do ảnh hưởng của lực Côriôlit, các vật thể chuyển động ở bán cầu Nam sẽ bị lệch theo hướng nào?

- A. Bên trên theo hướng chuyển động. C. Bên phải theo hướng chuyển động.
B. Bên dưới theo hướng chuyển động. D. Bên trái theo hướng chuyển động.

Câu 57. Phong hoá hoá học diễn ra mạnh ở vùng khí hậu

- A. nóng, ẩm. B. nóng, khô. C. lạnh, ẩm. D. lạnh, khô.

Câu 58. Đặc tính nổi bật của gió mùa ở khu vực Đông Nam Á là

- A. mùa hạ nóng và khô, mùa đông lạnh và ẩm. C. mùa hạ nóng và ẩm, mùa đông lạnh và ẩm.
B. mùa hạ nóng và ẩm, mùa đông lạnh và khô. D. mùa hạ nóng và khô, mùa đông lạnh và khô.

Câu 59. Gió Mậu dịch ở nửa cầu Bắc thổi theo hướng

- A. Đông Bắc. B. Đông Nam. C. Tây Bắc. D. Tây Nam.

Câu 60. Khu vực nào sau đây có nhiệt độ trung bình năm cao nhất?

- A. Vùng xích đạo. B. Vùng chí tuyến. C. Vùng cực. D. Vùng ôn đới.

Câu 61. Nguyên nhân sinh ra ngoại lực do

- A. sự di chuyển các dòng vật chất. B. năng lượng từ bức xạ Mặt Trời.
C. vận động theo phương nằm ngang. D. vận động theo phương thẳng đứng.

Câu 62. Trái Đất quay quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình

- A. vuông. B. elip. C. tròn. D. thoi.

Câu 63. Tác nhân nào sau đây là do phong hóa hóa học?

- A. Sự thay đổi nhiệt độ. B. Sự đóng băng của nước.
C. Sự va đập của gió. D. Sự ăn mòn của đá.

Câu 64. Vào ngày 21/3 và 23/9 Mặt Trời lên thiên đỉnh tại

- A. vòng cực. B. chí tuyến. C. xích đạo. D. hai cực.

Câu 65. Nếu đi từ đông sang phía tây qua đường kinh tuyến 180⁰ thì phải

- A. lùi lại 1 giờ. B. tăng thêm 1 giờ. C. lùi lại 1 ngày lịch. D. tăng thêm 1 ngày lịch.

Câu 66. Gió Mậu Dịch có đặc điểm nào sau đây?

- A. Gây mưa nhiều. B. Thổi quanh năm. C. Tính chất ẩm. D. Thổi theo mùa.

Câu 67. Nước ta nằm hoàn toàn trong nội chí tuyến bán cầu Bắc nên thường xuyên nằm dưới các khối khí

- A. A và P B. P và E C. P và T D. T và E

Câu 68. Câu ca dao “Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng. Ngày tháng mười chưa cười đã tối” là hệ quả địa lí nào sau đây khi Trái Đất quay?

- A. Ngày, đêm dài ngắn theo vĩ độ. B. Ngày, đêm dài ngắn theo mùa.
C. Sự luân phiên ngày, đêm. D. Chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.

Câu 69. Địa hình khoét mòn ở các hoang mạc được tạo thành do

- A. băng hà. B. sóng biển. C. gió. D. nước chảy.

Câu 70. Gió mùa là loại gió thổi theo mùa với đặc tính như thế nào?

- A. Mùa hạ gió nóng khô, mùa đông gió lạnh ẩm. B. Mùa hạ gió nóng ẩm, mùa đông gió lạnh khô.
C. Mùa hạ gió mát mẻ, mùa đông gió ẩm áp. D. Mùa hạ gió nóng bức, mùa đông gió lạnh ẩm.

Câu 71. Khi ở chân núi nhiệt độ không khí là 32°C thì lên đến độ cao 2500m nhiệt độ ở đỉnh núi lúc đó là

- A. 10°C . B. 17°C . C. 19°C . D. 20°C .

Câu 72. Quá trình phong hoá sinh học xảy ra mạnh nhất ở miền khí hậu có đặc điểm

- A. lạnh, khô. B. khô, nóng C. nóng, ẩm. D. hải dương.

Câu 73. Địa điểm không thay đổi vị trí khi Trái Đất tự quay quanh trục là

- A. xích đạo. B. vòng cực. C. chí tuyến. D. hai cực.

Câu 74. Nếu Việt Nam là 03 giờ ngày 19/8/2021 thì lúc đó NewYord (Hoa Kỳ) là mấy giờ? ngày nào?

- A. 12 giờ ngày 19/8/2021. B. 13 giờ ngày 19/8/2021.
C. 14 giờ ngày 18/8/2021. D. 15 giờ ngày 18/8/2021.

Câu 75. Nơi nào trên Trái Đất quanh năm độ dài của ngày và đêm luôn bằng nhau?

- A. Hai cực. B. Chí tuyến. C. Vòng cực. D. Xích đạo.

Câu 76. Sự dịch chuyển các đai áp trên Trái Đất chủ yếu là do

- A. sự thay đổi nhiệt độ. B. sự thay đổi độ ẩm.
C. chuyển động biểu kiến của Mặt Trời trong năm. D. sự thay đổi của hướng gió mùa.

Câu 77. Đặc tính nổi bật của gió mùa ở khu vực Nam Á và Đông Nam Á là

- A. mùa hạ nóng và khô, mùa đông lạnh và ẩm. B. mùa hạ nóng và ẩm, mùa đông lạnh và khô.
C. mùa hạ nóng và ẩm, mùa đông lạnh và ẩm. D. mùa hạ nóng và khô, mùa đông lạnh và khô.

Câu 78. Hiện tượng mài mòn do sóng biển không tạo nên dạng địa hình nào sau đây?

- A. Hàm ếch sóng vỗ. B. Bậc thềm sóng vỗ. C. Cửa sông ven biển. D. Vách biển tạm thời.

Câu 79. Thung lũng, sông suối được hình thành do quá trình nào sau đây?

- A. Khoét mòn. B. Xâm thực. C. Mài mòn. D. Thổi mòn.

Câu 80. Trong tầng đối lưu, trung bình lên cao 100m nhiệt độ không khí giảm

- A. $0,8^{\circ}\text{C}$. B. $0,4^{\circ}\text{C}$. C. 1°C . D. $0,6^{\circ}\text{C}$.

----- *HẾT* -----

Cấu trúc đề kiểm tra : 40 câu hỏi trắc nghiệm trong đó:

Lý thuyết: Ôn các bài: 1 + 2 + 3 + 5

Thực hành: Nhận dạng và nhận xét các loại biểu đồ.

Câu 1. Đặc điểm nào dưới đây *không* thuộc các nước phát triển?

- A. Tổng sản phẩm trong nước lớn. B. Đầu tư ra nước ngoài nhiều.
C. Chủ yếu xuất khẩu nguyên liệu thô. D. GDP bình quân đầu người cao.

Câu 2. Các nước phát triển tập trung chủ yếu ở

- A. Bắc Mỹ, Tây Âu, Ô-xtrây-li-a. B. Nam Mỹ, Tây Âu, Ô-xtrây-li-a.
C. Bắc Mỹ, Đông Nam Á, Tây Âu. D. Bắc Mỹ, Đông Á, Ô-xtrây-li-a.

Câu 3. Các nước phát triển *không* có đặc điểm nào sau đây?

- A. GDP bình quân đầu người cao. B. Đầu tư ra nước ngoài nhiều.
C. Chỉ số HDI ở mức cao. D. GDP bình quân đầu người thấp.

Câu 4. ASEAN là tên viết tắt của tổ chức liên kết kinh tế khu vực nào?

- A. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ. B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
C. Thị trường chung Nam Mỹ. D. Liên minh châu Âu.

Câu 5. Xu hướng toàn cầu hóa *không* có biểu hiện nào sau đây?

- A. Thương mại thế giới phát triển mạnh. B. Thị trường tài chính tài chính quốc tế thu hẹp.
C. Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng lớn. D. Đầu tư nước ngoài tăng trưởng nhanh.

Câu 6. Các nước tham gia vào quá trình toàn cầu hóa *không* nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Bảo vệ độc lập chủ quyền và an ninh quốc gia.
B. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp và chuyển giao công nghệ.
C. Đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội bền vững.
D. Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Câu 7. Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực thường có những nét tương đồng về

- A. số dân và thành phần chủng tộc. B. mục tiêu và lợi ích phát triển.
C. lịch sử dựng nước và giữ nước. D. trình độ văn hóa, giáo dục.

Câu 8. Việt Nam đã tham gia vào tổ chức liên kết kinh tế khu vực nào sau đây?

- A. Liên minh châu Âu. B. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ.
C. Thị trường chung Nam Mỹ. D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á- Thái Bình Dương.

Câu 9. Trái Đất nóng dần lên là do

- A. mưa axit nhiều. B. thủng tầng ôzôn. C. lượng CO₂ tăng. D. băng tuyết tan.

Câu 10. Tác động trực tiếp của hiện tượng hiệu ứng nhà kính là

- A. băng tuyết tan. B. nước biển dâng. C. nhiệt độ Trái Đất tăng. D. xâm nhập mặn.

Câu 11. Dân số già gây hậu quả lớn nhất về mặt kinh tế là

- A. nạn thất nghiệp tăng lên. B. chi phí phúc lợi xã hội lớn.
C. thiếu nguồn lao động. D. thị trường tiêu thụ thu hẹp.

Câu 12. Môi trường toàn cầu đang bị ô nhiễm chủ yếu do

- A. gia tăng dân số. B. sản xuất nông nghiệp. C. quá trình công nghiệp. D. dịch vụ phát triển.

Câu 13. Để giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu cần sự hợp tác giữa

- A. các quốc gia trên thế giới. B. các quốc gia phát triển.

C. các quốc gia đang phát triển.

D. một số cường quốc kinh tế.

Câu 14. Các tổ chức tài chính quốc tế nào sau đây ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế toàn cầu?

A. Ngân hàng châu Âu và quỹ tiền tệ quốc tế.

B. Ngân hàng châu Á và ngân hàng châu Âu.

C. Ngân hàng thế giới và quỹ tiền tệ quốc tế.

D. Ngân hàng châu Á và ngân hàng thế giới.

Câu 15. Ý nào sau đây **không** phải là nguyên nhân kìm hãm sự phát triển kinh tế của châu Phi?

A. Nạn nhập cư bất hợp pháp.

B. Khả năng quản lí kém.

C. Xung đột sắc tộc, tôn giáo.

D. Trình độ dân trí thấp.

Câu 16. Để phát triển nông nghiệp, giải pháp cấp bách đối với đa số các quốc gia ở châu Phi là

A. mở rộng mô hình sản xuất quảng canh.

B. khai hoang mở rộng diện tích đất trồng trọt.

C. tạo ra các giống cây có thể chịu được khô hạn.

D. áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế khô hạn.

Câu 17. Hiện nay những vấn đề nào đã và đang đe dọa cuộc sống của người dân châu Phi?

A. Khí hậu khắc nghiệt, dân số tăng nhanh.

B. Tỷ lệ người mù chữ và thất học còn cao.

C. Xung đột sắc tộc, đói nghèo, bệnh tật.

D. Phân bố dân cư không đều, đói nghèo.

Câu 18. Dầu khí có nhiều nhất ở khu vực nào của châu Phi?

A. Bắc Phi.

B. Trung Phi.

C. Đông Phi.

D. Nam Phi.

Câu 19. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của châu Phi là

A. khô hạn, thiếu nước.

B. nhiều hoang mạc.

C. ít đất nông nghiệp.

D. khoáng sản cạn kiệt.

Câu 20. Việc khai thác khoáng sản ở châu Phi đã

A. nhanh chóng tàn phá môi trường.

B. làm tăng diện tích đất trồng trọt.

C. giữ được nguồn nước ngầm.

D. thúc đẩy quá trình phong hóa.

Câu 21. Khoáng sản nổi bật ở Mĩ La tinh là

A. dầu mỏ, khí đốt, kim loại đen.

B. kim loại màu, kim loại quý, nhiên liệu.

C. kim loại đen, kim loại quý hiếm.

D. năng lượng và kim loại đen.

Câu 22. Mĩ La tinh có điều kiện thuận lợi để phát triển

A. cây lương thực, thực phẩm.

B. cây công nghiệp, cây ăn quả.

C. cây ăn quả, chăn nuôi gia cầm.

D. chăn nuôi gia súc, cây lương thực.

Câu 23. Đặc điểm nổi bật về dân cư và xã hội của Mĩ La tinh **không** phải là

A. hiện tượng đô thị hóa tự phát.

B. sự phân hóa giàu nghèo.

C. dân cư còn nghèo đói.

D. tỉ suất gia tăng tự nhiên rất cao.

Câu 24. Số dân sống dưới mức nghèo khổ của Mĩ La tinh còn khá đông chủ yếu do

A. sự phân hóa giàu nghèo lớn.

B. người lao động không cần cù.

C. điều kiện tự nhiên không thuận lợi.

D. hiện tượng đô thị hóa tự phát.

Câu 25. Núi cao ở Mĩ La tinh tập trung chủ yếu ở

A. phía Đông.

B. phía Tây.

C. phía Bắc.

D. phía Nam.

Câu 26. Ý nào sau đây **không** phải là đặc điểm dân cư, xã hội của Mĩ La tinh?

A. Số dân sống dưới mức nghèo khổ đông.

B. Đa dân tộc, tỉ lệ dân theo đạo Hồi cao.

C. Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc.

D. Quá trình đô thị hóa mang tính tự phát.

Câu 27. Ở Mĩ La tinh, rừng rậm xích đạo và nhiệt đới ẩm tập trung chủ yếu ở

A. vùng núi An-đét.

B. đồng bằng A-ma-dôn.

C. đồng bằng La Pla-ta.

D. đồng bằng Pam-pa.

Câu 28. Mĩ La tinh có điều kiện thuận lợi để phát triển chăn nuôi đại gia súc là do

A. nguồn lương thực dồi dào và khí hậu lạnh.

B. có nhiều đồng cỏ và khí hậu nóng ẩm.

C. ngành công nghiệp chế biến phát triển.

D. nguồn thức ăn công nghiệp dồi dào.

Câu 29. Nguyên nhân quan trọng làm cho Mĩ La tinh có thể mạnh trồng cây công nghiệp và cây ăn quả nhiệt đới là

A. có thị trường tiêu thụ lớn.

B. có nhiều loại đất khác nhau.

C. có nhiều cao nguyên rộng.

D. đất đai và khí hậu thích hợp.

Câu 30. Dân cư nhiều nước Mĩ La tinh còn nghèo đói *không* phải do

A. tình hình chính trị không ổn định.

B. hạn chế về tài nguyên, lao động.

C. phụ thuộc vào công ty nước ngoài.

D. phần lớn dân không có đất canh tác.

Câu 31. Hiện nay, Mĩ La tinh nhận được vốn đầu tư trực tiếp (FDI) chủ yếu từ

A. Tây Ban Nha và Anh.

B. Hoa Kỳ và Tây Ban Nha.

C. Bồ Đào Nha và Nam Phi.

D. Nhật Bản và Pháp.

Câu 32. Mĩ La tinh có tốc độ phát triển kinh tế không đều chủ yếu do

A. chính trị thiếu ổn định.

B. cạn kiệt dần tài nguyên.

C. thiếu lực lượng lao động.

D. thiên tai xảy ra nhiều.

Câu 33. Kinh tế nhiều quốc gia ở Mĩ La tinh đang từng bước được cải thiện chủ yếu do

A. không còn phụ thuộc vào nước ngoài.

B. chính sách cải cách ruộng đất triệt để.

C. tăng cường buôn bán với nước ngoài.

D. tập trung củng cố bộ máy Nhà nước.

Câu 34. Hệ quả tiêu cực của quá trình khu vực hóa đòi hỏi các quốc gia phải

A. góp phần bảo vệ lợi ích kinh tế.

B. tự do hóa thương mại toàn cầu.

C. kìm hãm sự phát triển kinh tế.

D. tự chủ về kinh tế và quyền lực.

Câu 35. WTO là tên viết tắt của tổ chức nào sau đây?

A. Tổ chức Thương mại thế giới.

B. Liên minh châu Âu.

C. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ.

D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á- Thái Bình Dương.

Câu 36. Đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi là

A. khô, nóng.

B. lạnh, khô.

C. nóng, ẩm.

D. lạnh, ẩm.

Câu 37. Nhận xét nào sau đây đúng nhất về thực trạng tài nguyên ở châu Phi?

A. Giàu khoáng sản, diện tích đồng cỏ và rừng xích đạo lớn.

B. Khoáng sản và tài nguyên rừng đang bị khai thác quá mức.

C. Khoáng sản phong phú, rừng nhiều nhưng chưa được khai thác.

D. Có trữ lượng lớn về các kim loại quý hiếm nhưng chưa được khai thác.

Câu 38. Dãy núi lớn án ngữ ở phía tây Nam Mĩ là

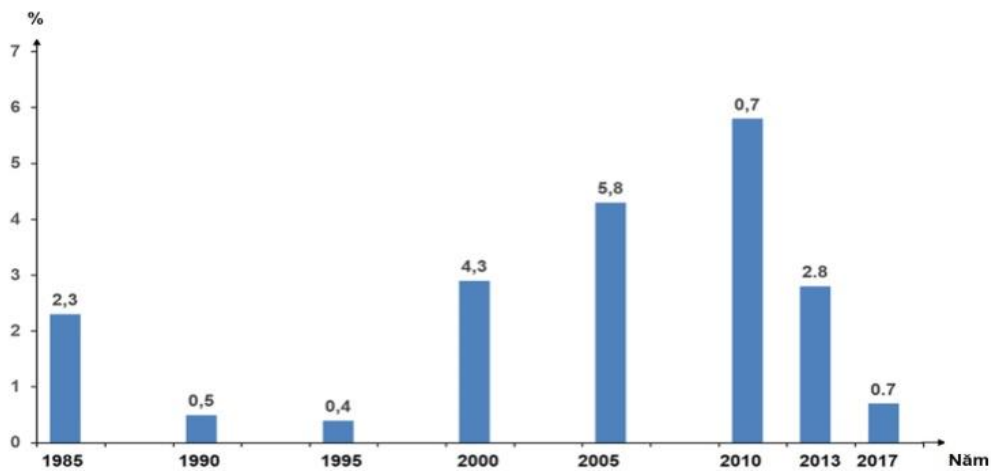
A. Coóc-đi-e.

B. An-đét.

C. A-pa-lat.

D. An-ơ.

Câu 39. Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Mĩ La tinh thời kì 1985-2017.

B. Cơ cấu GDP của Mĩ La tinh thời kì 1985-2017.

C. Quy mô, cơ cấu GDP của Mĩ La tinh thời kì 1985-2017.

D. Tốc độ tăng GDP của Mĩ La tinh qua hai năm 1985 và 2017.

Câu 40. Cho bảng số liệu: Chỉ số HDI của các nhóm nước qua các năm

Năm	2000	2015	2017
Nhóm nước			
Các nước phát triển	0,834	0,889	0,894
Các nước đang phát triển	0,568	0,674	0,683

Để so sánh GDP của các nhóm nước thời kì 2000 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Đường. C. Cột D. Miền.

Câu 41. Phát biểu nào sau đây đúng nhất về một số đặc điểm kinh tế, xã hội của các nước đang phát triển?

- A. Nợ nước ngoài nhiều, tuổi thọ trung bình thấp, chỉ số HDI ở mức thấp.
 B. Nợ nước ngoài ít, tuổi thọ trung bình cao, chỉ số HDI ở mức thấp.
 C. Nợ nước ngoài nhiều, tuổi thọ trung bình thấp, chỉ số HDI ở mức cao.
 D. Nợ nước ngoài ít, tuổi thọ trung bình cao, chỉ số HDI ở mức cao.

Câu 42. Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước phát triển có đặc điểm là

- A. khu vực I rất cao, khu vực II và III thấp. B. khu vực I rất thấp, khu vực II và III cao.
 C. khu vực I và III cao, khu vực II thấp. D. khu vực I rất thấp, khu vực III rất cao.

Câu 43. Các nước phát triển tập trung chủ yếu ở

- A. Bắc Mỹ, Tây Âu, Ô-xtrây-li-a. B. Nam Mỹ, Tây Âu, Ô-xtrây-li-a.
 C. Bắc Mỹ, Đông Nam Á, Tây Âu. D. Bắc Mỹ, Đông Á, Ô-xtrây-li-a.

Câu 44. Ở nhóm nước phát triển, người dân có tuổi thọ trung bình cao, nguyên nhân chủ yếu do

- A. môi trường sống thích hợp. B. chất lượng cuộc sống cao.
 C. nguồn gốc gen di truyền. D. làm việc và nghỉ ngơi hợp lí.

Câu 45. Hệ quả tiêu cực của quá trình khu vực hóa đòi hỏi các quốc gia phải

- A. góp phần bảo vệ lợi ích kinh tế. B. tự do hóa thương mại toàn cầu.
 C. kìm hãm sự phát triển kinh tế. D. tự chủ về kinh tế và quyền lực.

Câu 46. WTO là tên viết tắt của tổ chức nào sau đây?

- A. Tổ chức Thương mại thế giới. B. Liên minh châu Âu.
 C. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ. D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương.

Câu 47. Các tổ chức tài chính quốc tế nào sau đây ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế toàn cầu?

- A. Ngân hàng châu Âu và quỹ tiền tệ quốc tế. B. Ngân hàng châu Á và ngân hàng châu Âu.
 C. Ngân hàng thế giới và quỹ tiền tệ quốc tế. D. Ngân hàng châu Á và ngân hàng thế giới.

Câu 48. Vai trò to lớn của tổ chức thương mại thế giới là

- A. củng cố thị trường chung Nam Mỹ. B. tăng cường liên kết giữa các khối kinh tế.
 C. thúc đẩy tự do hóa thương mại. D. giải quyết xung đột giữa các nước.

Câu 49. Trong đầu tư nước ngoài, lĩnh vực dịch vụ nổi lên hàng đầu là các hoạt động

- A. tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. B. bảo hiểm, giáo dục, y tế.
 C. du lịch, ngân hàng, y tế. D. hành chính công, giáo dục, y tế.

Câu 50. Hiện tượng nào sau đây dễ gây ra bệnh ung thư da?

- A. Hiệu ứng nhà kính. B. Tầng ô dôn bị thủng. C. Chất thải sinh hoạt. D. Nhiệt độ Trái Đất tăng.

Câu 51. Một trong những biểu hiện của dân số thế giới đang có xu hướng già đi là

- A. tỉ lệ người dưới 15 tuổi ngày càng cao. B. số người trong độ tuổi lao động rất đông.
 C. tỉ lệ người trên 65 tuổi ngày càng cao. D. tuổi thọ của nữ giới cao hơn nam giới.

Câu 52. Để giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu cần sự hợp tác giữa

- A. các quốc gia trên thế giới. B. các quốc gia phát triển.
 C. các quốc gia đang phát triển. D. một số cường quốc kinh tế.

Câu 53. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân cư châu Phi?

- A. Dân số đông và tăng nhanh. B. Tỉ suất sinh thô giảm.

C. Dân số đang già hóa nhanh.

D. Tỷ lệ gia tăng tự nhiên cao.

Câu 54. Đại bộ phận lãnh thổ châu Phi có cảnh quan

A. hoang mạc, xa van và rừng cận nhiệt đới khô.

B. hoang mạc, bán hoang mạc và xa van.

C. xa van, bán hoang mạc và rừng xích đạo.

D. rừng cận nhiệt đới khô, rừng xích đạo và hoang mạc.

Câu 55. Đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi là

A. khô, nóng.

B. lạnh, khô.

C. nóng, ẩm.

D. lạnh, ẩm.

Câu 56. Nhận xét nào sau đây đúng nhất về thực trạng tài nguyên ở châu Phi?

A. Giàu khoáng sản, diện tích đồng cỏ và rừng xích đạo lớn.

B. Khoáng sản và tài nguyên rừng đang bị khai thác quá mức.

C. Khoáng sản phong phú, rừng nhiều nhưng chưa được khai thác.

D. Có trữ lượng lớn về các kim loại quý hiếm nhưng chưa được khai thác.

Câu 57. Ý nào sau đây *không* phải là đặc điểm dân cư- xã hội châu Phi?

A. Trình độ dân trí thấp.

B. Nhiều hủ tục lạc hậu.

C. Xung đột sắc tộc.

D. Chỉ số HDI cao.

Câu 58. Nhận định nào sau đây *không* đúng về đặc điểm dân cư, xã hội châu Phi?

A. Tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu.

B. Tuổi thọ trung bình thấp nhất thế giới.

C. Tỷ lệ dân thành thị cao trên 70%.

D. Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên cao.

Câu 59. Những tài nguyên tự nhiên nào của châu Phi đang bị khai thác quá mức?

A. Động vật và rừng.

B. Khoáng sản và rừng.

C. Nước và khoáng sản.

D. Biển và khoáng sản.

Câu 60. Việc khai thác khoáng sản ở châu Phi đã mang lại lợi nhuận cho

A. các nước có tài nguyên.

B. đại bộ phận dân cư.

C. các công ty nước ngoài.

D. một nhóm người lao động.

Câu 61. Dân số châu Phi tăng nhanh là do

A. tỉ suất tử thô rất thấp.

B. dân số đông nhất thế giới.

C. tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao.

D. tỉ lệ gia tăng cơ giới cao.

Câu 62. Vấn đề nổi bật về kinh tế của Mĩ La tinh là

A. tốc độ phát triển kinh tế cao.

B. nợ nước ngoài nhiều.

C. kinh tế phụ thuộc vào Tây Âu.

D. nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Câu 63. Đây *không* phải là xu hướng cải cách nền kinh tế ở Mĩ La tinh?

A. Phát triển giáo dục và y tế.

B. Tăng cường buôn bán với nước ngoài.

C. Quốc hữu hóa toàn bộ nền kinh tế.

D. Củng cố bộ máy Nhà nước.

Câu 64. Nền kinh tế Mĩ La tinh phụ thuộc chủ yếu vào quốc gia nào sau đây?

A. Hoa Kỳ.

B. Nhật Bản.

C. Anh.

D. Pháp.

Câu 65. Dãy núi lớn án ngữ ở phía tây Nam Mĩ là

A. Coóc-đi-e.

B. An-đét.

C. A-pa-lat.

D. An-ơ.

Câu 66. Nguyên nhân nào sau đây làm cho tỉ lệ dân thành thị ở các nước Mĩ La tinh cao?

A. Trình độ công nghiệp hóa ở mức cao.

B. Tốc độ phát triển kinh tế nhanh.

C. Dân nghèo ra thành phố tìm việc làm.

D. Chính sách chuyển cư của Nhà nước.

Câu 67. Đặc điểm nổi bật của hầu hết các nước Mĩ La tinh là

A. dựa vào xuất khẩu hàng công nghiệp.

B. phát triển ổn định, độc lập và tự chủ.

C. tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

D. tốc độ phát triển kinh tế không đều.

Câu 68. Nền kinh tế các nước Mĩ La tinh phát triển chậm *không* phải do

A. tình hình chính trị không ổn định.

B. hạn chế về điều kiện tự nhiên, nguồn lao động.

C. phụ thuộc vào các công ty tư bản nước ngoài.

D. người dân không có ruộng đất di cư ra thành phố.

Câu 69. Khối thị trường chung Nam Mĩ có tên viết tắt là

A. EU. B. NAFTA. C. MERCOSUR. D. APEC.

Câu 70. Ở Mĩ La tinh, rừng rậm xích đạo và nhiệt đới ẩm tập trung chủ yếu ở

A. vùng núi An-đét. B. đồng bằng A-ma-dôn. C. đồng bằng La Pla-ta. D. đồng bằng Pam-pa.

Câu 71. Kinh tế nhiều quốc gia ở Mĩ La tinh đang từng bước được cải thiện chủ yếu do

A. không còn phụ thuộc vào nước ngoài. B. cải cách ruộng đất triệt để.
C. tăng cường buôn bán với nước ngoài. D. tập trung củng cố bộ máy Nhà nước.

Câu 72. Đặc điểm nào dưới đây **không** thuộc các nước phát triển?

A. Tổng sản phẩm trong nước lớn. B. Đầu tư ra nước ngoài nhiều.
C. Chủ yếu xuất khẩu nguyên liệu thô. D. GDP bình quân đầu người cao.

Câu 73. Tác động trực tiếp của hiện tượng hiệu ứng nhà kính là

A. băng tuyết tan. B. nước biển dâng. C. nhiệt độ Trái Đất tăng. D. xâm nhập mặn.

Câu 74. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của châu Phi là

A. khô hạn, thiếu nước. B. nhiều hoang mạc. C. ít đất nông nghiệp. D. khoáng sản cạn kiệt.

Câu 75. Việc khai thác khoáng sản ở châu Phi đã

A. nhanh chóng tàn phá môi trường. B. làm tăng diện tích đất trồng trọt.
C. giữ được nguồn nước ngầm. D. thúc đẩy quá trình phong hóa.

Câu 76. Nguyên nhân quan trọng làm cho Mĩ La tinh có thể mạnh trồng cây công nghiệp và cây ăn quả nhiệt đới là

A. có thị trường tiêu thụ lớn. B. có nhiều loại đất khác nhau.
C. có nhiều cao nguyên rộng lớn. D. đất đai và khí hậu thích hợp.

Câu 77. Cho bảng số liệu

Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nhóm nước năm 2018

Nhóm nước	GDP phân theo khu vực kinh tế (đơn vị: %)		
	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Phát triển	2,0	27,0	71,0
Đang phát triển	25,0	32,0	43,0

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nhóm nước, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột. B. Đường. C. Tròn. D. Miền.

-----**HẾT**-----